

ETS 1200 – SCRIPT & TRANS – PART 2 – TEST 02

<p>11. (M-Br) When will the plant begin production?</p> <p>(W-Am) (A) In less than six months. (B) We'll plant them on the weekend. (C) At the new factory.</p>	<p>11. Khi nào thì nhà máy bắt đầu sản xuất?</p> <p>(A) Trong ít hơn 6 tháng nữa. (B) Chúng tôi sẽ trồng chúng vào cuối tuần. (C) Tại một nhà máy mới.</p>
<p>12. (M-Am) You'll make the reservation for this evening, won't you?</p> <p>(W-Br) (A) I've already made one. (B) No, I won't be late. (C) Near the front, please.</p>	<p>12. Bạn sẽ đặt chỗ cho buổi tối nay phải không?</p> <p>(A) Tôi đã đặt một chỗ rồi. (B) Không, tôi sẽ không đến trễ. (C) Gần phía trước, làm ơn.</p>
<p>13. (M-Br) Who will be the lead engineer for the project?</p> <p>(M-Am) (A) The engine needs repairs. (B) Dr. Ramirez, I believe. (C) Near the station.</p>	<p>13. Ai sẽ là kỹ sư trưởng cho dự án?</p> <p>(A) Động cơ cần được sửa chữa. (B) Tiến sĩ Ramirez, tôi tin là vậy. (C) Gần nhà ga.</p>
<p>14. (W-Br) When were those reports written?</p> <p>(W-Am) (A) Before lunch yesterday. (B) I taped the speech. (C) Her report is too long.</p>	<p>14. Những bản báo cáo đó đã được viết vào lúc nào?</p> <p>(A) Trước giờ ăn trưa hôm qua. (B) Tôi đã thu băng lại bài diễn văn. (C) Báo cáo của cô ấy quá dài.</p>
<p>15. (M-Br) Could you give me a ride to the airport?</p> <p>(M-Am) (A) No, I didn't give him any. (B) Sure, what time is your flight? (C) About twenty minutes.</p>	<p>15. Bạn có thể cho tôi quá giang đến sân bay được không?</p> <p>(A) Không, tôi không đưa anh ấy cái gì cả. (B) Chắc chắn rồi, chuyến bay của bạn khởi hành lúc mấy giờ? (C) Khoảng 20 phút.</p>
<p>16. (W-Am) Didn't you go to a musical last night?</p> <p>(W-Br) (A) I'll mail it in the morning. (B) There's the music store. (C) Yes, I went with a friend.</p>	<p>16. Bạn không đến buổi diễn âm nhạc tối qua à?</p> <p>(A) Tôi sẽ gửi nó qua mail vào sáng nay. (B) Có một cửa hàng âm nhạc. (C) Có, tôi đã đi cùng một người bạn.</p>

<p>17. (M-Am) Where can I make a copy?</p> <p>(M-Br) (A) The machine is broken. (B) A dollar per cup. (C) Sorry, I can't.</p>	<p>17. Tôi có thể in bản sao ở đâu?</p> <p>(A) Máy đã bị hư rồi. (B) Một cốc có giá 1 đô la. (C) Xin lỗi, tôi không thể.</p>
<p>18. (W-Br) What time are you serving lunch?</p> <p>(W-Am) (A) Down at the harbor. (B) From 11 A.M. to 2 P.M. (C) Yes, I have time.</p>	<p>18. Mấy giờ thì bạn phục vụ bữa trưa?</p> <p>(A) Ở tận bến cảng. (B) Từ 11 giờ trưa đến 2 giờ chiều. (C) Đúng vậy, tôi có thời gian.</p>
<p>19. (M-Am) Isn't the store closed?</p> <p>(W-Br) (A) Yes, much closer. (B) It's open 24 hours a day. (C) They're stored properly.</p>	<p>19. Cửa hàng chưa đóng cửa phải không?</p> <p>(A) Đúng vậy, gần hơn nhiều. (B) Nó mở cửa cả ngày lẫn đêm. (C) Chúng được lưu trữ một cách hợp lí.</p>
<p>20. (W-Am) Where can I get a pencil?</p> <p>(M-Br) (A) From the supply cabinet. (B) It's in ink. (C) Twenty-five cents each.</p>	<p>20. Tôi có thể lấy bút chì ở đâu?</p> <p>(A) Từ tủ đồ dùng. (B) Nó không phải bằng bút mực. (C) Mỗi cái có giá 25 cent.</p>
<p>21. (W-Br) Would you like to address our annual convention next September?</p> <p>(M-Am) (A) Let me check my schedule. (B) Here's his extension. (C) It's a user's manual.</p>	<p>21. Bạn có muốn tham gia hội nghị thường niên của chúng tôi vào tháng 9 tới không?</p> <p>(A) Để tôi kiểm tra lịch làm việc của mình. (B) Đây là số máy lẻ của anh ấy. (C) Nó là một cuốn sổ tay người dùng.</p>
<p>22. (W-Br) Do you know how often the bus comes?</p> <p>(M-Br) (A) No, he doesn't come here often. (B) The box came in this morning. (C) About every 30 minutes.</p>	<p>22. Bạn có biết tần suất xe buýt đến đây không?</p> <p>(A) Không, anh ấy không đến đây thường xuyên. (B) Chiếc hộp đã đến đây vào sáng nay. (C) Khoảng 30 phút 1 chuyến.</p>
<p>23. (M-Am) Where does Mrs. Robertson live now?</p> <p>(W-Br) (A) Near the park. (B) Right now, please. (C) Next year.</p>	<p>23. Hiện giờ bà Robertson đang sống ở đâu?</p> <p>(A) Gần công viên. (B) Ngay lúc này, làm ơn. (C) Năm sau.</p>

<p>24. (W-Br) Let me know if you're free to talk today.</p> <p>(W-Am) (A) No, it wasn't free. (B) It won't let me. (C) Right, I'll e-mail you.</p>	<p>24. Hãy cho tôi biết nếu hôm nay bạn rảnh để nói chuyện.</p> <p>(A) Không, nó không miễn phí đâu. (B) Nó sẽ không cho phép tôi. (C) Được, tôi sẽ gửi e-mail cho bạn.</p>
<p>25. (W-Br) I don't believe we've met before.</p> <p>(M-Am) (A) Why don't we leave at three? (B) Yes, I've had it once or twice. (C) No, I don't think we have.</p>	<p>25. Tôi không tin là chúng ta đã gặp nhau trước đây.</p> <p>(A) Tại sao chúng ta không rời đi lúc 3 giờ? (B) Đúng vậy, tôi đã có nó 1 hoặc 2 lần. (C) Không, tôi không nghĩ là chúng ta đã gặp nhau.</p>
<p>26. (W-Am) How late is the gymnasium open?</p> <p>(W-Br) (A) I'm not late. (B) It closes at eight. (C) No, that's OK.</p>	<p>26. Phòng tập gym mở cửa đến mấy giờ?</p> <p>(A) Tôi không đến trễ. (B) Nó đóng cửa lúc 8 giờ. (C) Không, vậy thôi là đủ.</p>
<p>27. (M-Am) I can help you call clients if you'd like.</p> <p>(W-Am) (A) Oh, I hope she's all right. (B) Yes, I gave one to every client. (C) Thanks. That would help me a lot.</p>	<p>27. Tôi có thể giúp bạn gọi cho khách hàng nếu bạn muốn.</p> <p>(A)Ồ, tôi hi vọng cô ấy ổn. (B) Vâng, tôi đã đưa 1 cái cho mỗi khách hàng. (C) Cảm ơn bạn. Điều đó sẽ giúp tôi rất nhiều.</p>
<p>28. (W-Am) Don't you think we should take a short break?</p> <p>(M-Br) (A) OK, but just ten minutes. (B) He can fix it. (C) It's pretty tall.</p>	<p>28. Bạn có nghĩ là chúng ta nên nghỉ ngơi 1 lát không?</p> <p>(A) Được, nhưng chỉ 10 phút thôi nhé. (B) Anh ấy có thể sửa nó. (C) Nó khá là cao.</p>
<p>29. (M-Br) Can you send me a copy of the revised contract?</p> <p>(W-Br) (A) Yes, it's a compact car. (B) He can contact us. (C) Yes, I'll mail it today.</p>	<p>29. Bạn có thể gửi cho tôi một bản sao hợp đồng đã được chỉnh sửa không?</p> <p>(A) Vâng, nó là một chiếc xe hơi tích hợp. (B) Anh ấy có thể liên hệ chúng ta. (C) Được, tôi sẽ gửi nó qua mail hôm nay.</p>

<p>30. (M-Br) My computer won't start. (W-Am) (A) We began at six thirty. (B) Yes, I want to be early. (C) Maybe it's not plugged in.</p>	<p>30. Máy tính của tôi không khởi động được. (A) Chúng tôi đã bắt đầu lúc 6 giờ 30. (B) Vâng. Tôi muốn đến sớm. (C) Có lẽ nó không được cắm điện.</p>
<p>31. (W-Am) Do you want my home or work phone number? (W-Br) (A) She leaves work at five. (B) It's 52 Broad Street. (C) Whichever one I can reach you at.</p>	<p>31. Bạn muốn có số điện thoại nhà hay số điện thoại công việc của tôi? (A) Cô ấy rời công việc lúc 5 giờ. (B) Nó ở số 52 Phố Broad. (C) Bất cứ số nào mà tôi có thể liên hệ bạn.</p>
<p>32. (M-Br) Have you finished reading the report? (M-Am) (A) Just two more pages. (B) He reports to Mr. Garcia. (C) Yes, the apartment is furnished.</p>	<p>32. Bạn đã đọc báo cáo xong chưa? (A) Chỉ 2 trang nữa thôi. (B) Anh ấy báo cáo cho ông Garcia. (C) Rồi, căn hộ có đầy đủ đồ nội thất.</p>
<p>33. (W-Am) The food in the cafeteria has improved a lot this year, hasn't it? (M-Br) (A) I'll take at least two. (B) He proved it was true. (C) I really haven't noticed.</p>	<p>33. Thức ăn ở quán ăn tự phục vụ đã được cải thiện trong năm nay phải không? (A) Tôi sẽ lấy ít nhất 2 cái. (B) Anh ấy đã chứng minh nó là đúng. (C) Thật ra tôi cũng không để ý lắm.</p>
<p>34. (W-Br) Who's going to take the director to the airport? (W-Am) (A) Tomorrow morning. (B) Her secretary will. (C) Follow the map.</p>	<p>34. Ai sẽ đưa giám đốc đến sân bay? (A) Sáng ngày mai. (B) Thư ký của ông ấy sẽ làm. (C) Đi theo bản đồ.</p>
<p>35. (M-Am) Why is Ms. Suzuki moving to South America? (W-Am) (A) I didn't know you were moving. (B) She's transferring to a new office. (C) The plane arrives at nine.</p>	<p>35. Tại sao cô Suzuki lại chuyển đến Nam Mỹ? (A) Tôi đã không biết bạn chuyển đi. (B) Cô ấy sẽ chuyển đến văn phòng mới. (C) Máy bay hạ cánh lúc 9 giờ.</p>

<p>36. (M-Am) Rita canceled our newspaper subscription, didn't she?</p> <p>(M-Br) (A) Yes, I have it delivered. (B) No, she's going to do it tomorrow. (C) You should take it with meals.</p>	<p>36. Rita đã hủy đăng kí bào dài hạn của chúng ta phải không?</p> <p>(A) Phải, tôi đã nhờ người giao hàng nó. (B) Không, cô ấy định hủy nó vào ngày mai. (C) Bạn nên dùng nó trong các bữa ăn.</p>
<p>37. (M-Am) We'll be having our photos taken at four P.M.</p> <p>(M-Br) (A) Yes, I have. (B) I arrived late. (C) I can't be there then.</p>	<p>37. Chúng ta sẽ được chụp ảnh vào lúc 4 giờ.</p> <p>(A) Đúng vậy, tôi đã làm thế. (B) Tôi đã đến trễ. (C) Tôi không thể đến đó vào lúc đó.</p>
<p>38. (W-Br) Let's take a break for a few minutes.</p> <p>(M-Am) (A) I took care of a few. (B) I wish I could. (C) No, I didn't break it.</p>	<p>38. Chúng ta hãy nghỉ ngơi ít phút đi nào.</p> <p>(A) Tôi đã quan tâm đến một vài cái. (B) Tôi ước gì tôi có thể nghỉ ngơi. (C) Không, tôi không làm vỡ nó.</p>
<p>39. (W-Am) Do you need help with this computer?</p> <p>(M-Br) (A) Yes, I'm having trouble running this program. (B) Well, I usually take a commuter train. (C) The one over there isn't being used.</p>	<p>39. Bạn có cần giúp đỡ với chiếc máy tính này không?</p> <p>(A) Có, tôi đang gặp rắc rối khi chạy chương trình này. (B) Tôi thường đi làm bằng tàu. (C) Cái máy tính ở đằng kia đang không có ai sử dụng.</p>
<p>40. (W-Am) Is the new furniture arriving today or tomorrow?</p> <p>(M-Am) (A) I like driving to work. (B) Yes, all the furniture is new. (C) Neither. It's going to arrive next week.</p>	<p>40. Đồ nội thất mới sẽ đến đây trong hôm nay hay ngày mai?</p> <p>(A) Tôi thích lái xe đi làm. (B) Vâng, tất cả đồ nội thất đều mới. (C) Không cái nào đúng cả. Chúng sẽ đến đây vào tuần sau.</p>